

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 509/2024/DS-PT

Ngày: 04-9-2024

V/v tranh chấp chia thừa kế
quyền sử dụng đất, thực hiện
nghĩa vụ người chết để lại.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vạng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng;

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương
Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Võ Thị Trang
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 02/7, 09/7, 30/8 và 04/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân
tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2024/TLPT-
DS ngày 11 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất,
thực hiện nghĩa vụ người chết để lại”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 205/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm
2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 344/2024/QĐ-PT
ngày 18 tháng 5 năm 2025; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số
471/2024/TB-TA ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ Văn G, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp D, xã P,
huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Hồ Thanh B, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. *(Có mặt)*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. *(Có mặt)*

3.2. Bà Mai Thị Ú, sinh năm 1979 *(Vắng mặt)*

3.3. Chị Hồ Thị Diễm H, sinh năm 1995 *(Vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Ông Hồ Văn M, sinh năm 1961 *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

3.5. Bà Hồ Thị Bích A, sinh năm 1967 *(Có mặt)*

3.6. Bà Hồ Thị Bích N, sinh năm 1969 *(Có mặt)*

3.7. Ông Hồ Văn N1, sinh năm 1976 *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.8. Ông Hồ Văn S, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. *(Có mặt)*

3.9. Ông Hồ Văn L1, sinh năm 1979; Địa chỉ: Khu A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. *(Có mặt)*

3.10. Ông Hồ Văn S1, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. *(Có mặt)*

Chỗ ở hiện nay: Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.11. Bà Trần Thị C, sinh năm 1957

3.12. Chị Hồ Thị Bích H1, sinh năm 1985

3.13. Anh Hồ Thanh V, sinh năm 1991

3.14. Chị Hồ Tuyết T, sinh năm 1993

Đại diện theo ủy quyền của bà C, chị H1, anh V, chị T: Ông Hồ Thanh B, sinh năm 1963; Cùng địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.15. Ủy ban nhân dân huyện C; Địa chỉ trụ sở: Khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

3.16. Bà Huỳnh Thị L2, sinh năm 1972 (*Vắng mặt*)

3.17. Ông Phan Văn B1, sinh năm 1972 (*Vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo:

Anh Hồ Văn G - Là nguyên đơn.

Ông Hồ Thanh B là bị đơn.

Bà Hồ Thị Bích A là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bà Hồ Thị Bích N là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Anh Hồ Văn S là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Anh Hồ Văn L1 là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Anh Hồ Văn S1 là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Anh Hồ Văn G trình bày: Cha mẹ của anh là ông Hồ Văn T1 và bà Nguyễn Thị H2 có tất cả là 10 người con trong đó có 01 người chết (không chồng con) hiện nay còn 09 người. Năm 2000 cha chết đến năm 2011 mẹ chết không để lại di chúc bằng văn bản nhưng có phân chia đất tại xã P như sau: Phần đất để cất nhà tiếp giáp lộ nông thôn cho anh B ngang 10m x dài 35m, anh S cũng giống như anh B phần còn lại là để cho anh G thừa hưởng gồm đất cất nhà anh đã cất nhà xong, phần đất làm lò gạch (2000m²) anh được hưởng vì anh là người thờ phụng cha mẹ sau khi cha mẹ chết, đất lúa anh đã lên vườn, giá trị công lên vườn (lên liếp) 37.000.000đồng, trồng cây như hiện trạng Tòa xem xét thẩm định. Ngoài ra, trước khi cha mẹ chết anh có xuất ra 17chỉ vàng 24 kr để chuộc đất mà cha mẹ đã cố cho người khác. Tâm nguyện của mẹ chia đất cho các con anh B là người vẽ sơ đồ phân chia theo ý kiến của mẹ sau khi bà chết. Hiện nay, đất do anh B đứng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn anh chỉ quản lý mà không được đứng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay anh G yêu cầu chia di sản thừa kế của cha, mẹ chết để lại theo pháp luật và theo anh G di sản anh yêu cầu chia là toàn bộ hai thửa đất 2467 và thửa 1686 trong đó có phần các anh em của anh đã cất nhà ở như hiện trạng. Trường hợp Tòa chấp nhận yêu cầu chia thừa kế các anh em còn lại thì anh G yêu cầu họ phải liên đới trả 17 chỉ vàng và công đầu tư 37.000.000đồng (công phá bỏ lò

3

gạch và bồi đắp lên liếp), giá trị cây cối mà anh đã trồng và anh yêu cầu được hưởng nhiều hơn gấp 3 lần các đồng thừa kế khác vì anh là người nuôi dưỡng và thờ cúng cha mẹ.

- *Anh Hồ Thanh B trình bày:* Anh thống nhất lời trình bày của anh G về năm chết của cha mẹ và hàng thừa kế thứ nhất của cha, mẹ anh hiện còn sống là 09 người. Thời gian cha mẹ còn sống có cho anh 01 nền nhà anh đã cất nhà và có giấy chứng nhận diện tích $740m^2$, ngang 10, dài 74m, ngoài ra vào năm 1999 cha mẹ còn cho anh $2.000m^2$ đất làm lò gạch tiếp giáp với nhà anh đang cất ở, anh sản xuất gạch đến năm 2015 thì ngưng đồng thời cũng cho anh S 01 nền nhà ngang 10m, anh S đã cất nhà. Trong quá trình sử dụng đất Nhà nước cấp nhầm đất, từ đất cha mẹ qua cho người khác nên năm 2014 điều chỉnh lại anh là con trong nhà đứng giấy chủ quyền đất gồm 02 thửa 2467 và thửa 1686, anh B xác định anh chỉ được cho $740m^2$ và $2.000m^2$ đất làm lò gạch, phần còn lại là của cha mẹ. Như vậy ngoài $740m^2$ đất cất nhà và $2.000m^2$ đất làm lò gạch thì còn lại là di sản của cha mẹ để lại chưa chia nên anh yêu cầu được hưởng 1/9 đất và 1/9 giá trị căn nhà. Đối với 17 chỉ vàng mà anh G trình bày anh B xác định là vàng mà anh là người trả cho bà Dương Thị Thanh T2 chứ không phải anh G trả sau đó do cần vốn nên anh giao đất cho anh S, anh S đưa cho anh 20.000.000đồng tương ứng 10 chỉ vàng 24 kr, anh S canh tác một thời gian thì giữa S2 với G thỏa thuận như thế nào mà S giao đất cho G canh tác anh không biết. Tuy trình bày như vậy nhưng anh B không yêu cầu các đồng thừa kế phải trả cho anh 07 chỉ vàng 24 kr đồng thời anh không đồng ý trả vàng theo yêu cầu của anh G mà anh yêu cầu được công nhận $740m^2$ đất ở và $2000m^2$ đất được cho năm 1995. Đối với cây cối của anh G cũng như công đầu tư lên vườn anh không đồng ý trả theo yêu cầu của anh G khi được công nhận đất và nhận thừa kế. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh không cầm cố thế chấp hay chuyển nhượng cho bất kỳ ai.

- *Anh Hồ Văn S trình bày:* Cha mẹ còn sống có cho anh 01 nền nhà và anh đã cất nhà ở ngang 10m dài tới cây T3 và cho anh B 01 nền nhà ngang 10m dài tới cây T3. Như vậy 02 phần đã cho như trên không còn là di sản nên anh có yêu cầu hưởng thừa kế 1/9 diện tích đất còn lại sau khi đã trừ đi 02 nền nhà mà anh trình bày ở trên và 1/9 giá trị nhà. Các yêu cầu bồi hoàn của anh G cũng như vàng chuộc đất anh không đồng ý.

- Anh Hồ Văn S1, chị Hồ Thị Bích N, anh Hồ Văn L1, chị Hồ Thị Bích A cùng trình bày: Lúc cha mẹ còn sống có cho anh B và anh S mỗi người 01 nền nhà ngang 10m dài tới cây Trâm 02 anh đã cất nhà như vậy số đất còn lại và giá trị căn nhà yêu cầu được 1/9 và không đồng ý bồi hoàn hay trả tiền chuộc đất theo yêu cầu của anh G.

- Anh Hồ Văn M, anh Hồ Văn N1 trình bày: Thống nhất theo trình bày của anh G, trong vụ án này hai anh xác định đất đã cho toàn bộ cho anh G sau khi trừ phần cho anh B, anh S mỗi người 10m ngang dài 35m. Tuy nhiên tòa không chấp nhận lời trình bày của anh G thì hai anh yêu cầu gồm toàn bộ đất trong đó có đất đã giao cho B, Suốt quản lý để chia thừa kế theo pháp luật, anh yêu cầu chia 1/9 đất.

- Chị Nguyễn Thị Bích Bích L trình bày: Chị là vợ anh G đang cùng anh G quản lý đất. Về đất thì hiện nay đã cho người khác thuê khai thác xoài là anh Phan Văn B1.

- Anh Phan Văn B1 trình bày: Vợ chồng anh đang thuê xoài lá trên đất mà anh G đã trồng cây thời hạn năm 2024 hết hạn. Đất đang tranh chấp phần xoài anh đang thuê anh tiếp tục sử dụng cho đến khi hết hạn theo thỏa thuận thì anh sẽ giao đất cho bất cứ người nào theo phán quyết của Tòa án. Hợp đồng thuê xoài lá giữa anh với anh G anh không yêu cầu Tòa án giải quyết kể cả Tòa án buộc giao đất cho người khác, khi nào cần thiết anh sẽ kiện sau bằng vụ khác.

Tại Bản án sơ thẩm số 205/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của anh Hồ Văn G;

Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế và công nhận quyền sử dụng đất của anh Hồ Thanh B, anh Hồ Văn S;

Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của chị Hồ Thị Bích A, Hồ Thị Bích N, Hồ Văn S, Hồ Văn L1, Hồ Văn S1;

Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của anh Hồ Văn M, Hồ Văn N1.

Công nhận cho anh Hồ Thanh B được tiếp tục sử dụng 436,8m² tại thửa 2467 tờ bản đồ số 5, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, loại đất ở nông

thôn và đất trồng cây lâu năm trong đó đất ở nông thôn 150m² còn lại là đất trồng cây lâu năm. Đất nằm trong phạm vi các mốc: M1, M21, M17, M14, M15 về M1;

Công nhận cho anh Hồ Văn G được tiếp tục sử dụng 413,5m² thuộc thửa 2467, tờ bản đồ số 5, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm trong đó đất ở nông thôn 150m² phần còn lại là đất trồng cây lâu năm. Đất nằm trong phạm vi các mốc: M21, M20, M19, M18, M17, về M21.

Công nhận cho anh Hồ Văn S được tiếp tục sử dụng 439,5m² thuộc thửa 2467, tờ bản đồ số 5, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, loại đất trồng cây lâu năm. Đất nằm trong phạm vi các mốc: M20, M2, M4, M18, M19, về M20.

Anh Hồ Thanh B, Hồ Thị Bích A, Hồ Thị Bích N, Hồ Văn S, Hồ Văn L1, Hồ Văn S1 được chia di sản thừa kế và hưởng chung 3.800m², loại đất lúa thuộc thửa 1686, tờ bản đồ số 5, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cùng toàn bộ cây cối có trên đất. Đất nằm trong phạm vi các mốc M14, M17, M16, M22, M23, M24, M25, M8, M9, M10, M11, M12, M13 về M14.

Anh Hồ Văn G, anh Hồ Văn M, anh Hồ Văn N1 được chia thừa kế và hưởng chung 2521m² thuộc thửa 1686, tờ bản đồ số 5, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, loại đất trồng lúa nước cùng toàn bộ cây cối có trên đất, trong đó anh M và anh N1 mỗi người được chia 633m² phần còn lại là của anh G. Đất nằm trong phạm vi các mốc M17, M18, M4, M5, M6, M7, M24, M23, M22, M16 về M17.

Anh Phan Văn B1, chị Huỳnh Thị L2, anh Hồ Văn G, chị Nguyễn Thị Bích L có nghĩa vụ giao cho Anh Hồ Thanh B, Hồ Thị Bích A, Hồ Thị Bích N, Hồ Văn S, Hồ Văn L1, Hồ Văn S1 diện tích 3.800m² cùng toàn bộ cây cối có trên đất tại thửa 1686, tờ bản đồ số 5, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và di dời toàn bộ hệ thống tưới nước tự động có trên diện tích 3.800m².

Anh Hồ Thanh B, Hồ Thị Bích A, Hồ Thị Bích N, Hồ Văn S, Hồ Văn L1, Hồ Văn S1 có nghĩa vụ trả cho anh Hồ Văn G giá trị cây cối 77.620.000 đồng, tiền công lên liếp 22.678.400 đồng, giá trị vàng 37.362.000 đồng; Tổng cộng: 137.660.400 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn, bốn trăm đồng).

Anh Hồ Văn Giàu C1 nghĩa vụ chia di sản thừa kế là giá trị nhà cho anh Hồ Thanh B, chị Hồ Thị Bích N mỗi người 4.597.000 đồng (Bốn triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự.

Các bên đương sự được thực hiện quyền và nghĩa vụ của người có quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo biên bản thẩm định của Tòa án và sơ đồ đo đạc ngày 02/3/2021 của Chi nhánh văn Phòng đăng ký đất đai huyện C)

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 06/10/2023, anh Hồ Văn Giàu C1 đơn kháng cáo yêu cầu: Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo hướng sửa bản án dân sự sơ thẩm ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh. Yêu cầu chấp nhận cho anh G được nhận phần đất nền nhà chiều ngang 12m, chiều dài 35m, diện tích 420m², thuộc thửa số 1393, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Hiện nay, thửa đất mới là 2467, tờ bản đồ số 5). Yêu cầu trả lại cho anh G 01 cây 07 chỉ vàng 24K là số vàng mà vợ chồng anh G đã chuộc đất của cha mẹ.

- Ngày 09/10/2023, ông Hồ Thanh B kháng cáo yêu cầu chấp nhận đơn kháng cáo của ông B, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã xét xử.

- Ngày 09/10/2023, bà Hồ Thị Bích A, bà Hồ Thị Bích N, anh Hồ Văn S, anh Hồ Văn L1, anh Hồ Văn S1 kháng cáo yêu cầu chấp nhận đơn kháng cáo của bà A, bà N, anh S, anh L1, anh S1. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự, đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung:

Anh G kháng cáo: không đồng ý chia giá trị nhà cho các đồng thừa kế của ông T1 và bà H2; Yêu cầu các đồng thừa kế của ông T1, bà H2 trả anh 1 chỉ vàng 24k.

Anh B kháng cáo: Yêu cầu công nhận cho anh diện tích đất 2.000m². Di sản của ông T1, bà H2 để lại đồng ý trừ nền nhà của anh B, anh S, diện tích còn lại chia thừa kế thành 9 phần, yêu cầu hưởng 1 phần; 17 chỉ vàng 24k, bồi thường cây cho anh G không đồng ý; Yêu cầu anh G khôi phục diện tích đất.

Chị Bích A kháng cáo: Không đồng ý anh Giàu có chuộc đất 17 chỉ vàng.

Chị Bích N, anh S, anh L1, anh S1 cùng kháng cáo: Di sản của ông T1, bà H2 để lại đồng ý trừ nền nhà của anh B, anh S, diện tích còn lại chia thừa kế thành 9 phần, yêu cầu hưởng 1 phần; Không đồng ý anh Giàu có chuộc đất 17 chỉ vàng; không đồng ý trả anh G số tiền lên liếp vườn 37.000.000đ.

Nhận thấy:

Ông Hồ Văn T1 và bà Nguyễn Thị H2 chung sống và có 10 con chung, có 01 người đã chết không có vợ con, hiện còn 09 người con gồm: anh Hồ Văn M, anh Hồ Thanh B, chị Hồ Thị Bích A, chị Hồ Thị Bích N, anh Hồ Văn N1, anh Hồ Văn S, anh Hồ Văn L1, anh Hồ Văn S1 và Hồ Văn G. Năm 2000 ông T1 chết, năm 2011 bà H2 chết. Ông T1, bà H2 chết không để lại di chúc.

Ông T1, bà H2 tạo lập được tài sản là các thửa đất, gồm: thửa 2467 diện tích 1.358,3m² (ONT +CLN) và thửa 1686 diện tích 6.116,5m² (Lúa) tờ bản đồ số 5, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và một căn nhà gỗ thao lao.

* Xét kháng cáo của anh B, chị Bích N, anh S, anh L1, anh S1 không đồng ý cha mẹ có cho anh G nền nhà tại thửa 2467:

Theo trình bày của anh G với anh B lúc cha, mẹ còn sống có cho ông Hồ Thanh B và ông Hồ Văn S mỗi người một nền nhà tại thửa 2467 anh B và anh

S đã cất nhà ở, riêng anh G là con út sống cùng với cha, mẹ, sau khi bà H2 chết anh G cất nhà trên nền nhà của cha, mẹ nên anh G không được cho đất tại thửa 2467. Xét thấy, theo hiện trạng sử dụng của anh B, anh S và anh G, vào ngày 20/6/2006 anh B có lập sơ đồ cho đất tuy không có xác nhận của chính quyền địa phương, không có xác nhận của anh chị em trong gia đình nhưng có thể hiện nội dung lúc còn sống bà H2 đã chia đất tại thửa 2467 cho 03 người con trai gồm: anh B, anh S và anh G nên khi đó các anh đã xây dựng nhà ở, các anh, chị em trong gia đình không có sự tranh chấp. Tại phiên tòa phúc thẩm anh B trình bày thời điểm vẽ sơ đồ anh bị bệnh sắp chết nên anh vẽ lại vị trí nền nhà cha mẹ cho ba anh em gồm anh B, anh S, anh G để sau này các anh em trong gia đình không xảy ra tranh chấp, thời điểm này các anh em cũng không tranh chấp. Như vậy thửa đất 2467 đã cho anh B, anh S, anh G nên không còn là di sản. Anh B, chị Bích N, anh S, anh L1, anh S1 kháng cáo không đồng ý cha mẹ có cho anh G nền nhà tại thửa 2467 là không có căn cứ chấp nhận.

* Xét kháng cáo của anh B đối với diện tích 2.000m thuộc thửa 1686:

Anh B trình bày phần diện tích 2.000m² thuộc thửa 1686 từ bản đồ số 5, đất tại xã P, huyện C vào năm 1999 đã được cha, mẹ cho anh phần đất này tuy nhiên anh không có gì chứng minh. Phía anh G, anh M, và anh N1 không thừa nhận có việc này chỉ thời điểm đó cha, mẹ để anh B sử dụng đất để làm lò gạch. Sau đó, khi mẹ chết anh G đã cải tạo phần đất này lên vườn thì anh B cũng như các anh em khác cũng không ai tranh chấp, anh G cho anh B1 thuê cũng không ai tranh chấp như vậy có đủ căn cứ xác định phần đất 2.000m² khi cha, mẹ còn sống chưa cho anh B như anh đã trình bày, nên kháng cáo của anh B không có căn cứ chấp nhận.

* Xét kháng cáo của anh G không đồng ý chia giá trị nhà cho các đồng thừa kế của ông T1 và bà H2: Căn nhà các đồng thừa kế thống nhất do ông T1 và bà H2 để lại được định giá là 41.378.000đồng, anh G không cung cấp chứng cứ được cha mẹ cho căn nhà, khi anh G dỡ nhà thì các anh em không đồng ý, có báo chính quyền địa phương. Anh G xác định có việc các anh em báo chính quyền địa phương nhưng anh G vẫn dỡ nhà cha mẹ. Căn nhà là di sản của ông T1, bà H2 để lại chưa chia nên anh G kháng cáo không đồng ý chia thừa kế đối với căn nhà là không có căn cứ chấp nhận.

Vì vậy, bản án sơ thẩm xác định di sản của bà H2, ông T1 chết để lại là diện tích đất thừa 1686 diện tích $6.199,6m^2 + 151,6m^2$ và 01 căn nhà giá trị được định giá là 41.378.000đồng và chia thừa thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế của ông T1, bà H2, trong đó có xem xét công gìn giữ di sản và thờ cúng cha mẹ của anh G là phù hợp.

Đối với cây do anh G trồng có trên diện tích $3.800m^2$ do các đương sự được chia thừa kế được hưởng phần đất là di sản của ông T1, bà H2 nên anh B, chị Bích A, chị Bích N, anh S, anh L3, anh S1 phải có nghĩa vụ trả giá trị cho anh G theo giá của Hội đồng định giá đã định.

Đối với công lên liếp của anh G tại thửa 1686 số tiền là 37.000.000 đồng. Các đồng thừa kế thừa nhận có việc anh G lên liếp trồng cây nhưng không đồng ý trả lại cho anh G chi phí đã bỏ ra để lên liếp là chưa phù hợp. Do anh B, chị Bích N, chị Bích A, anh S, anh L1, anh S1 cùng được hưởng phần diện tích $3.800m^2$ nên buộc anh B, chị Bích N, chị Bích A, anh S, anh L1, anh S1 cùng có nghĩa vụ trả lại công lên liếp cho anh G theo giá mà Hội đồng định giá đã định trên diện tích $3.800m^2$.

* Xét kháng cáo của các đương sự đối với số vàng chuộc đất:

Các đương sự đều thống nhất bà H2 có cổ đất cho bà Dương Thị Thanh T2. Bà T2 trình bày không nhớ số vàng cổ đất, không nhớ ai là người đưa vàng chuộc đất.

Anh G trình bày anh là người đưa vàng cho bà H2 lúc bà H2 còn sống để trả vàng cổ đất là 17 chỉ vàng 24kara (không cung cấp được chứng cứ), các đương sự trong vụ án không thừa nhận.

Anh B trình bày anh là người trả cho bà Dương Thị Thanh T2 chứ không phải anh G trả sau đó do cần vốn nên anh giao đất cho anh S, anh S đưa cho anh 20.000.000đồng tương ứng 10 chỉ vàng 24 kara, anh S canh tác một thời gian thì giữa Suôi với G thỏa thuận như thế nào mà S giao đất cho G canh tác anh không biết.

Anh S trình bày có việc anh G đưa cho anh 20.000.000đồng tương ứng 10 chỉ vàng 24 kara để nhận diện tích đất sử dụng.

Như vậy, số vàng này các đương sự trong vụ án thừa nhận là 10 chỉ vàng 24Kara, anh G giao vàng cho bà H2 không có giấy tờ gì chứng minh nên căn

cứ lời trình bày của anh B, anh S và lời trình bày của các đồng thừa kế là ông T1, bà H2 có cố đất nên có căn cứ chấp nhận anh G chuộc đất với số vàng 10 chỉ vàng 24 kara. Anh G kháng cáo yêu cầu các đồng thừa kế trả thêm 7 chỉ vàng 24kara và các đồng thừa kế kháng cáo không đồng ý trả anh G 10 chỉ vàng 24 kara là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với chi phí lên liếp, giá trị cây trồng và số vàng cố đất anh G đã bỏ ra, anh G không yêu cầu anh M, anh N1 trả nên bản án sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp.

Đối với việc vợ chồng anh B2, chị L hợp đồng với anh G thuê khai thác xoài do các bên không tranh chấp nên bản án sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp.

Từ những phân tích trên, xét thấy bản án sơ thẩm tuyên phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo của anh Hồ Văn G, anh Hồ Thanh B, chị Hồ Thị Bích A, chị Hồ Thị Bích N, anh Hồ Văn S, anh Hồ Văn L1, anh Hồ Văn S1 không có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của anh Hồ Văn G, anh Hồ Thanh B, chị Hồ Thị Bích A, chị Hồ Thị Bích N, anh Hồ Văn S, anh Hồ Văn L1, anh Hồ Văn S1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 205/2023/DS-ST, ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Hồ Văn G khởi kiện ông Hồ Thanh B, về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất (QSDD), thực hiện nghĩa vụ người chết để lại, Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Ông Hồ Văn G, ông Hồ Thanh B, bà Hồ Thị Bích A, Hồ Thị Bích N, ông Hồ Văn S, ông Hồ Văn L1, ông Hồ Văn S1 kháng cáo trong thời hạn là hợp lệ. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên xét xử theo quy định.

[2] Vợ chồng ông Hồ Văn T1 (chết năm 2000) và Nguyễn Thị H2 (chết năm 2011) có 10 người con gồm: Ông B, ông G, ông M, bà A, bà N, ông N1, ông S, ông L1, ông S1 và một người con chết chưa lập gia đình.

Tài sản của vợ chồng ông T1 gồm: Thửa đất số 2467, 1686 tờ bản đồ số 5, diện tích đo đạc thực tế 7.641m^2 , giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho ông B ngày 20/10/2014 và một căn nhà (hiện ông G đã tháo dỡ cất lại nhà khác); đất tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Ông G yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ chết để lại theo pháp luật. Theo ông G thì trên hai thửa đất có một phần diện tích do các anh em của ông đã cất nhà ở. Trường hợp chấp nhận yêu cầu chia thừa kế các anh em còn lại thì ông G yêu cầu phải trả cho ông 1 chỉ vàng 24k và công đầu tư trên đất là 17.000.000đ (công phá bỏ lò gạch và bồi đắp lên liếp). Ông B không đồng ý theo yêu cầu của ông G và có yêu cầu được QSDĐ diện tích 740m^2 , diện tích 2.000m^2 được cha mẹ cho vào năm 1995.

[3] Đối với thửa số 2467: Xét thấy, vợ chồng ông T1 chết không có để lại di chúc phân chia tài sản là nhà đất. Tuy nhiên theo trình bày của các đương sự thì cha mẹ có cho ông B và ông S mỗi người một nền nhà tại thửa số 2467 và đã cất nhà ở. Đối với ông G (con út) thì sống chung với cha mẹ, sau khi bà H2 chết thì ông G tháo dỡ nhà cất lại ngay nền nhà của cha mẹ. Căn cứ vào sơ đồ do ông B lập (sau khi bà H2 chết) thể hiện nội dung là lúc còn sống bà H2 đã chia đất cho 03 người con gồm ông B, ông G và ông S. Vì vậy thửa đất 2467 không phải là di sản của vợ chồng ông T1 chết để lại. Theo Điều 5 của Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của Ủy ban nhân tỉnh Đồng Tháp, quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở nông thôn, thì các thửa đất mới hình thành sau khi tách thửa (trừ diện tích nằm trong hành lang an toàn bảo vệ công trình công cộng) phải đảm bảo diện tích có nhà ở tối thiểu 60m^2 trở lên. Tại Công văn số 1719/UBND-HC ngày 13/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện C ý kiến như sau: Căn cứ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 114/UBND-QĐ ngày 20/5/2022 và Quyết định số 323/QĐ-UBND-NĐ ngày 31/12/2023 phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện C, vị trí thửa đất 2467, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã P là đất SKX (đất vật liệu xây dựng và đồ gốm); thửa 1686 tờ bản đồ số 5 là đất SKX + CLN (đất vật liệu xây dựng và đồ gốm + cây lâu năm). Về quy hoạch xây dựng: Vị trí thửa số 2467 và thửa số 1686 tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã P là nơi chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng

được duyệt, vị trí thửa đất cơ bản đáp ứng kết nối đồng bộ hạ tầng kỹ thuật khu vực. Tại phiên tòa, ông G, ông B, ông S đồng ý đất thổ cư chia đều cho mỗi người 100m² nhằm đảm bảo việc cấp giấy chứng nhận theo quy định.

[4] Đối với thửa số 1686: Ông B cho rằng cha mẹ đã cho ông sử dụng diện tích 2.000m² thuộc một phần thửa số 1686 vào năm 1999 để làm lò gạch là không có cơ sở, bởi vì theo sơ đồ phân chia đất do ông B lập ghi nhận ý chỉ của ông B thể hiện diện tích đất lò gạch 2.000m² ai thờ cúng thì sẽ được hưởng đất này. Quá trình ông G cải tạo đất để lập vườn trồng cây ăn trái trên diện tích đất lò gạch, nhưng ông B cũng không có tranh chấp hoặc khởi kiện yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết việc ông G bao chiếm đất của ông B. Như vậy thửa đất 1686 diện tích 6.199,6m² + 151,6m² và căn nhà của vợ chồng ông T1 là di sản thừa kế được chia theo pháp luật theo yêu cầu của các đương sự là có cơ sở. Ông G yêu cầu chia cho ông được hưởng thừa kế gấp ba lần là không phù hợp, tuy nhiên trường hợp ông G cũng cần phải xem xét đến việc ông Giàu có công sức duy trì gìn giữ di sản thừa kế, thờ cúng ông bà nên chia cho ông G hưởng một phần hợp lý như quyết định của bản án sơ thẩm là có cơ sở.

Đối với cây trồng: Ông G đã trồng cây trên diện tích 3.800m², nên các đương sự phải có nghĩa vụ trả giá trị cây trồng cho ông G, tương ứng với số lượng cây trồng trên phần đất được chia thừa kế, theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản là phù hợp.

[5] Đối với chi phí của ông G cải tạo đất lên liếp tổng số tiền 37.000.000đ, tại thửa 1686 diện tích 6.199,6m². Cụ thể $37.000.000\text{đ}/6.199,6\text{m}^2 = 5.968\text{đ}/\text{m}^2$, vậy $5.968\text{đ}/\text{m}^2 \times 3.800\text{m}^2 = 22.678.400\text{đ}$. Tòa án cấp sơ thẩm buộc các đương sự thụ hưởng chung phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông G là bảo đảm quyền, nghĩa vụ của các bên theo quy định của pháp luật.

[6] Về yêu cầu chia thừa kế giá trị căn nhà của ông T1, bà H2: Do ông G đã tháo dỡ căn nhà chưa được các đồng thừa kế đồng ý và có báo chính quyền địa phương. Ông G xác định có việc các anh em báo chính quyền địa phương nhưng anh G vẫn dỡ nhà cha mẹ, nên phải có nghĩa vụ chia thừa kế theo yêu cầu của ông B và bà N. Đối với các đồng thừa kế còn lại không có yêu cầu ông G chia giá trị căn nhà nên Tòa án cấp sơ thẩm không có xem xét, vì vậy Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[7] Xét việc ông G cho rằng trước đây ông có đưa cho bà H2 17 chỉ vàng để chuộc lại phần đất cổ, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên ông G yêu cầu trả lại cho ông 1 chỉ vàng là có một phần cơ sở. Nay các đương sự chỉ thừa nhận vàng chuộc đất là 10 chỉ vàng 24 k, nên ông B, bà A, bà N, ông S, ông L1, ông S1 phải hoàn trả lại cho ông G là phù hợp. Cụ thể vàng quy thành tiền như sau:

Tại thời điểm xét xử sơ thẩm $5.605.000\text{đ}/\text{chỉ} \times 10 \text{ chỉ} = 56.050.000\text{đ}$ mỗi phần là $6.227.000\text{đ}$ ($56.050.000\text{đ} : 9 = 6.227.000\text{đ}$). Vậy số vàng mà ông B, bà A, bà N, ông S, ông L1, ông S1 phải hoàn trả $37.362.000\text{đ}$ ($6.227.000\text{đ} \times 6 = 37.362.000\text{đ}$).

Đối với việc bồi hoàn chi phí cải tạo lên liếp, giá trị cây trồng và hoàn trả vàng chuộc đất, thì ông G không yêu cầu ông M, ông N1 trả cho ông các khoản tiền nêu trên.

[8] Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông G, ông B, bà A, bà N, ông S, ông L1, ông S1, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có cơ sở nên chấp nhận.

Do đó không chấp nhận kháng cáo của ông G, ông B, bà A, bà N, ông S, ông L1, ông S1, nhưng sửa một phần bản án sơ thẩm theo thỏa thuận của ông G, ông B và ông S, về việc ông G, ông B, ông S đồng ý đất thổ cư chia đều cho mỗi người 100m^2 . Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[9] Án phí phúc thẩm: Ông G, ông B, ông S không phải chịu tiền án phí.

Bà A, bà N, ông L1, ông S1, mỗi người phải chịu số tiền 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai; Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự; Điều 26 luật thi hành án dân sự; Nghị Quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn G, ông Hồ Thanh B, ông Hồ Văn S, bà Hồ Thị Bích A, bà Hồ Thị Bích N, ông Hồ Văn L1, ông Hồ Văn S1.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm (đương sự thỏa thuận về diện tích đất thổ cư)

2. Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của ông Hồ Văn G.

Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế và công nhận quyền sử dụng đất của ông Hồ Thanh B, ông Hồ Văn S.

Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của bà Hồ Thị Bích A, bà Hồ Thị Bích N, ông Hồ Văn S, ông Hồ Văn L1, ông Hồ Văn S1.

Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của ông Hồ Văn M, ông Hồ Văn N1.

Công nhận cho ông Hồ Thanh B được tiếp tục sử dụng 436,8m² tại thửa 2467 tờ bản đồ số 5, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm trong đó đất ở nông thôn 100m² còn lại là đất trồng cây lâu năm. Đất nằm trong phạm vi các mốc: M1, M21, M17, M14, M15 về M1.

Công nhận cho ông Hồ Văn G được tiếp tục sử dụng 413,5m² thuộc thửa 2467, tờ bản đồ số 5, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm trong đó đất ở nông thôn 100m² phần còn lại là đất trồng cây lâu năm. Đất nằm trong phạm vi các mốc: M21, M20, M19, M18, M17 về M21.

Công nhận cho ông Hồ Văn S được tiếp tục sử dụng 439,5m² thuộc thửa 2467, tờ bản đồ số 5, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, trong đó đất ở nông thôn 100m² còn lại là đất trồng cây lâu năm. Đất nằm trong phạm vi các mốc: M20, M2, M4, M18, M19 về M20.

Ông Hồ Thanh B, bà Hồ Thị Bích A, bà Hồ Thị Bích N, ông Hồ Văn S, ông Hồ Văn L1, ông Hồ Văn S1 được chia di sản thừa kế và hưởng chung 3.800m², loại đất lúa thuộc thửa 1686, tờ bản đồ số 5, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cùng toàn bộ cây cối có trên đất. Đất nằm trong phạm vi các

mốc M14, M17, M16, M22, M23, M24, M25, M8, M9, M10, M11, M12, M13 về M14.

Ông Hồ Văn G, ông Hồ Văn M, ông Hồ Văn N1 được chia thừa kế và hưởng chung 2.521m² thuộc thửa 1686, tờ bản đồ số 5, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, loại đất trồng lúa nước cùng toàn bộ cây cối có trên đất, trong đó ông M và ông N1 mỗi người được chia 633m² phần còn lại là của ông G. Đất nằm trong phạm vi các mốc M17, M18, M4, M5, M6, M7, M24, M23, M22, M16 về M17.

Ông Phan Văn B1, bà Huỳnh Thị L2, ông Hồ Văn G, bà Nguyễn Thị Bích L có nghĩa vụ liên đới giao cho ông Hồ Thanh B, bà Hồ Thị Bích A, bà Hồ Thị Bích N, ông Hồ Văn S, ông Hồ Văn L1, ông Hồ Văn S1 diện tích 3.800m² cùng toàn bộ cây cối có trên đất tại thửa 1686, tờ bản đồ số 5, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và di dời toàn bộ hệ thống tưới nước tự động có trên diện tích 3.800m².

Ông Hồ Thanh B, bà Hồ Thị Bích A, bà Hồ Thị Bích N, ông Hồ Văn S, ông Hồ Văn L1, ông Hồ Văn S1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hồ Văn G giá trị cây cối 77.620.000 đồng, tiền công lên liếp 22.678.400 đồng, giá trị vàng 37.362.000 đồng. Tổng cộng: 137.660.400 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn, bốn trăm đồng).

Ông Hồ Văn Giàu C1 nghĩa vụ chia di sản thừa kế là giá trị nhà cho ông Hồ Thanh B, bà Hồ Thị Bích N mỗi người 4.597.000 đồng (Bốn triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự.

Các bên đương sự được thực hiện quyền và nghĩa vụ của người có quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo biên bản thẩm định của Tòa án và sơ đồ đo đạc ngày 02/3/2021 của Chi nhánh văn Phòng đăng ký đất đai huyện C)

3. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Ông Hồ Thanh B, bà Hồ Thị Bích A, bà Hồ Thị Bích N, ông Hồ Văn S, ông Hồ Văn L1, ông Hồ Văn S1, ông Hồ văn M, ông Hồ Văn N1 mỗi người phải nộp 1.221.000 đồng để trả cho ông Hồ Văn G vì ông G đã tạm ứng trước; ông G phải nộp 1.223.000 đồng, ông G đã nộp xong chi xong.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Thanh B và ông Hồ Văn M được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc diện được miễn có đơn.

Bà Hồ Thị Bích A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 3.995.500 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Bích A đã nộp 1.788.000 đồng theo biên lai số 0012752 ngày 07/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi khấu trừ bà Bích A phải nộp tiếp 2.207.500 đồng.

Bà Hồ Thị Bích N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 4.225.400 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Bích N đã nộp 1.788.000 đồng theo biên lai số 0012751 ngày 07/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi khấu trừ bà Bích N phải nộp tiếp 2.437.400 đồng.

Ông Hồ Văn S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 3.995.500 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.788.000 đồng theo biên lai số 0012750 ngày 04/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi khấu trừ anh S phải nộp tiếp 2.207.500 đồng.

Ông Hồ Văn L1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 3.995.500 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.788.000 đồng theo biên lai số 0012753 ngày 07/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi khấu trừ ông L1 phải nộp tiếp 2.207.500 đồng.

Ông Hồ Văn S1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 3.995.500 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.788.000 đồng theo biên lai số 0012754 ngày 07/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi khấu trừ ông S1 phải nộp tiếp 2.207.500 đồng.

Ông Hồ Văn N1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 2.848.500 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.800.000 đồng theo biên lai số 0012512 ngày 14/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi khấu trừ ông N1 phải nộp tiếp 1.048.500 đồng.

Ông Hồ Văn G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 7.609.200 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.780.000 đồng theo biên lai 0012159 ngày 07/01/2021, biên lai số 0012511 ngày 14/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi khấu trừ ông G được nhận lại 11.170.800 đồng.

Ông Phan Văn B1, bà Huỳnh Thị L2, ông Hồ Văn G, bà Nguyễn Thị Bích L liên đới nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Án phí phúc thẩm:

Ông Hồ Văn G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông G đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0004510 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Hồ Văn B3 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Hồ Văn S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông S đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0004515 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Hồ Thị Bích A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0004516 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Hồ Thị Bích N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0004513 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Hồ Văn L1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên

lai thu số 0004514 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Hồ Văn S1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0004512 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐT;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSPA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vạng